

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2020, giữa:

- **Nguyên đơn: bà Tổng Thị L**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Bà Đoàn Thị H. Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn: ông Hoàng Đại Th**, sinh năm 1949.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 4, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Ông Vũ Ngọc H. Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Tổng Huy Ph, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKHKT: phố Đ, phường Nhg, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: phố V, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Đình Thị L, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: phố N, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: phố V, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đình Thị L: anh Tổng Huy Ph, sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT: phố Đ, phường Nhg, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: phố V, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 55, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 213, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí đề ngày 10/9/2020 của bà Tổng Thị L, ông Hoàng Đại Th.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/9/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Xét bà Tổng Thị L, ông Hoàng Đại Th đều thuộc trường hợp là người cao tuổi, người có công với cách mạng, Tòa án chấp nhận đơn xin miễn án phí của bà Tổng Thị L, ông Hoàng Đại Th.

Do đó, bà Tổng Thị L được miễn nộp 75.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 2.644.000 đồng án phí chia tài sản; tổng cộng bà Tổng Thị L được miễn nộp số tiền 2.719.000 đồng (hai triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Đại Th được miễn nộp 75.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 2.644.000 đồng án phí chia tài sản; tổng cộng ông Hoàng Đại Th được miễn nộp số tiền 2.719.000 đồng (hai triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung, con riêng:

- Về con chung: bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th không có con chung nên bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về con riêng: bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:

2.2.1. Về tài sản chung:

Bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th xác định tài sản chung của vợ chồng bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th bao gồm những tài sản sau:

+ 01 nhà mái bằng 02 tầng cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà, sân, bể nước, cổng tại số nhà 03, ngõ 1, đường Đ, tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Trị giá nhà và toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà, sân, bể nước, cổng là 202.562.000 đồng). Về đặc điểm của căn nhà là: nhà mái bằng 02 tầng cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà, sân, bể nước, cổng nêu trên nằm trên thửa đất số 1, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/5/2020 mang tên anh Tổng Huy Ph và chị Đình Thị L. Bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th xác định thửa đất nêu trên không phải là tài sản chung của vợ chồng bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 35FA-3180 mang tên bà Tổng Thị L. Bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th thống nhất thỏa thuận 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 35FA-3180 nêu trên trị giá 9.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung của vợ chồng bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th là:

$$202.562.000 \text{ đồng} + 9.000.000 \text{ đồng} = 211.562.000 \text{ đồng}.$$

Bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th cùng nhất trí thỏa thuận như sau:

Bà Tổng Thị L được sở hữu, sử dụng 01 nhà mái bằng 02 tầng cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà, sân, bể nước, cổng tại số nhà 03, ngõ 1, đường Đ, tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Trị giá nhà và toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà, sân, bể nước, cổng là 202.562.000 đồng, viết bằng chữ: hai trăm linh hai triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Về đặc điểm của căn nhà là: nhà mái bằng 02 tầng cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà, sân, bể nước, cổng nêu trên nằm trên thửa đất số 1, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/5/2020 mang tên anh Tổng Huy Ph và chị Đình Thị L.

Ông Hoàng Đại Th được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 35FA-3180 mang tên bà Tổng Thị L. Trị giá xe mô tô nêu trên là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Ông Hoàng Đại Th được nhận tiền chênh lệch về tài sản do bà Tổng Thị L thanh toán với số tiền là 96.781.000 đồng (chín mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

Bà Tổng Thị L có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho ông Hoàng Đại Th số tiền là 96.781.000 đồng. Đối trừ 07 chỉ vàng (là tài sản trước khi bà Tổng Thị L kết hôn với ông Hoàng Đại Th, tính giá vàng tại thời điểm hiện nay là 5.000.000 đồng/chỉ; 07 chỉ vàng x 5.000.000 đồng/chỉ = 35.000.000 đồng) mà

bà Tổng Thị L đã đưa cho ông Hoàng Đại Th vào ngày 26/6/2020 thì bà Tổng Thị L còn phải thanh toán cho ông Hoàng Đại Th tiền chênh lệch về tài sản còn lại là: 61.781.000 đồng.

Bà Tổng Thị L cam kết sẽ thanh toán cho ông Hoàng Đại Th số tiền 61.781.000 đồng (sáu mươi một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng) vào ngày 10/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Kể từ thời điểm bà Tổng Thị L giao đủ số tiền 61.781.000 đồng (sáu mươi một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng) cho ông Hoàng Đại Th thì bà Tổng Thị L được toàn quyền sở hữu, sử dụng đối với 01 nhà mái bằng 02 tầng cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà, sân, bể nước, công nêu trên.

Bà Tổng Thị L được toàn quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với tài sản là nhà nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Hoàng Đại Th được toàn quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký sở hữu, sử dụng đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 35FA-3180 mang tên bà Tổng Thị L.

Ngoài những nội dung thỏa thuận trên, các đương sự không thỏa thuận vấn đề gì khác.

2.2.2. Về tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 600.000 đồng; tổng cộng 1.800.000 đồng. Bà Tổng Thị L và ông Hoàng Đại Th mỗi người chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng. Do ông Hoàng Đại Th đã nộp 1.800.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên bà Tổng Thị L phải hoàn trả cho ông Hoàng Đại Th số tiền chi phí tố tụng là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Ông Hoàng Đại Th đã nộp đủ chi phí tố tụng.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tổng Thị L được miễn nộp 75.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 2.644.000 đồng án phí chia tài sản; tổng cộng bà Tổng Thị L được miễn nộp số tiền 2.719.000 đồng (hai triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Tổng Thị L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001607 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Ông Hoàng Đại Th được miễn nộp 75.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 2.644.000 đồng án phí chia tài sản; tổng cộng ông Hoàng Đại Th được miễn nộp số tiền 2.719.000 đồng (hai triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Phụng